

CÔNG TY TNHH VIỆT NAM NEW POWER
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH VIỆT NAM NEW POWER

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VIET NAM NEW POWER COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0109266590

3. Ngày thành lập: 14/07/2020

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Tầng 6, tòa nhà Việt Á, số 9 phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0868991116

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: - Kinh doanh bất động sản	6810(Chính)
2.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: - Dịch vụ môi giới bất động sản; - Dịch vụ tư vấn bất động sản; - Dịch vụ quản lý bất động sản;	6820
3.	Xây dựng nhà để ở	4101
4.	Xây dựng nhà không để ở	4102
5.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
6.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
7.	Xây dựng công trình điện	4221
8.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
9.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
10.	Xây dựng công trình công ích khác Chi Tiết: - Xây dựng công trình xử lý bùn; - Xây dựng các công trình công ích khác chưa được phân vào đâu.	4229
11.	Xây dựng công trình thủy	4291
12.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
13.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
14.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: - Xây dựng công trình khác không phải nhà như: công trình thể thao ngoài trời	4299

15.	Chăn nuôi gia cầm	0146
16.	Chăn nuôi khác	0149
17.	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	0150
18.	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162
19.	Trồng lúa	0111
20.	Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác	0112
21.	Trồng cây lấy củ có chất bột	0113
22.	Trồng cây mía	0114
23.	Trồng cây thuốc lá, thuốc lào	0115
24.	Trồng cây lấy sợi	0116
25.	Trồng cây có hạt chứa dầu	0117
26.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa	0118
27.	Trồng cây hàng năm khác Chi tiết: - Trồng cây gia vị hàng năm; - Trồng cây dược liệu, hương liệu hàng năm; - Trồng cây hàng năm khác còn lại	0119
28.	Trồng cây ăn quả	0121
29.	Trồng cây lấy quả chứa dầu	0122
30.	Trồng cây điều	0123
31.	Trồng cây hồ tiêu	0124
32.	Trồng cây cao su	0125
33.	Trồng cây cà phê	0126
34.	Trồng cây chè	0127
35.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm	0128
36.	Trồng cây lâu năm khác Chi tiết: - Trồng cây cảnh lâu năm ; - Trồng cây lâu năm khác còn lại	0129
37.	Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm	0131
38.	Nhân và chăm sóc cây giống lâu năm	0132
39.	Phá dỡ	4311
40.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
41.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330

42.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác Chi tiết: - Hoạt động xây dựng chuyên biệt sử dụng trong tất cả các kết cấu công trình nhưng yêu cầu phải có kỹ năng riêng chuyên sâu hoặc phải có thiết bị chuyên môn hóa như: + Xây dựng nền móng, bao gồm cả ép cọc; + Các công việc về chống ẩm và chống thấm nước; + Chống ẩm các toà nhà; + Đào giếng (trong ngành khai thác mỏ); + Lắp dựng các kết cấu thép không thể sản xuất nguyên khối; + Uốn thép; + Xây gạch và đặt đá; + Lợp mái các công trình nhà để ở; + Lắp dựng và dỡ bỏ cốp pha, giàn giáo, loại trừ hoạt động thuê cốp pha, giàn giáo; + Lắp dựng ống khói và lò sấy công nghiệp; + Các công việc đòi hỏi chuyên môn cần thiết như kỹ năng trèo và sử dụng các thiết bị liên quan, ví dụ làm việc ở tầng cao trên các công trình cao. - Các công việc dưới bề mặt; - Xây dựng bể bơi ngoài trời; - Rửa bằng hơi nước, phun cát và các hoạt động tương tự cho mặt ngoài công trình nhà; - Thuê cần trục có người điều khiển.	4390
43.	Sản xuất điện	3511
44.	Truyền tải và phân phối điện Chi tiết: - Phân phối điện	3512
45.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại Chi tiết: Bán buôn sắt, thép	4662
46.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: -Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến; - Bán buôn xi măng; - Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi; - Bán buôn kính xây dựng; Bán buôn sơn, vécni; - Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh ; - Bán buôn đồ ngũ kim; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
47.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh;	8299
48.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
49.	Sản xuất pin và ắc quy	2720
50.	Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học	2731
51.	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác	2732
52.	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại	2733
53.	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	2740
54.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
55.	Sản xuất thiết bị điện khác	2790
56.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
57.	Sản xuất kim loại quý và kim loại màu	2420

58.	Đúc sắt, thép	2431
59.	Đúc kim loại màu	2432
60.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
61.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
62.	Sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm)	2513
63.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
64.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
65.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593
66.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất đồ dùng bằng kim loại cho nhà bếp, nhà vệ sinh và nhà ăn; - Sản xuất sản phẩm khác còn lại bằng kim loại chưa được phân vào đâu	2599
67.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
68.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620
69.	Sản xuất thiết bị truyền thông	2630
70.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
71.	Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển	2651
72.	Sản xuất đồng hồ	2652
73.	Sản xuất thiết bị bức xạ, thiết bị điện tử trong y học, điện liệu pháp	2660
74.	Sản xuất thiết bị và dụng cụ quang học	2670
75.	Sản xuất băng, đĩa từ tính và quang học	2680
76.	Sản xuất động cơ, tua bin (trừ động cơ máy bay, ô tô, mô tô và xe máy)	2811
77.	Sản xuất thiết bị sử dụng năng lượng chiết lưu	2812
78.	Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác	2813
79.	Sản xuất bị, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động	2814
80.	Sản xuất lò nung, lò luyện và lò nung	2815
81.	Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp	2816
82.	Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)	2817
83.	Sản xuất dụng cụ cầm tay chạy bằng mô tơ hoặc khí nén	2818
84.	Sản xuất máy thông dụng khác	2819
85.	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp	2821
86.	Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại	2822
87.	Sản xuất máy luyện kim	2823
88.	Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng	2824
89.	Sản xuất máy chế biến thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	2825
90.	Sản xuất máy cho ngành dệt, may và da	2826

91.	Sản xuất máy chuyên dụng khác Chi tiết: - Sản xuất máy sản xuất vật liệu xây dựng; - Sản xuất máy chuyên dụng khác chưa được phân vào đâu	2829
92.	Sản xuất ô tô và xe có động cơ khác	2910
93.	Sản xuất thân xe ô tô và xe có động cơ khác, rơ moóc và bán rơ moóc	2920
94.	Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe ô tô và xe có động cơ khác	2930
95.	Đóng tàu và cầu kiện nổi	3011
96.	Đóng thuyền, xuống thể thao và giải trí	3012
97.	Sản xuất mô tô, xe máy	3091
98.	Sản xuất xe đạp và xe cho người khuyết tật	3092
99.	Sản xuất phương tiện và thiết bị vận tải khác chưa được phân vào đâu	3099
100.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế Chi tiết: - Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế bằng kim loại	3100
101.	Sản xuất đồ kim hoàn và chi tiết liên quan	3211
102.	Sản xuất đồ giả kim hoàn và chi tiết liên quan	3212
103.	Sản xuất nhạc cụ	3220
104.	Sản xuất dụng cụ thể dục, thể thao	3230
105.	Sản xuất đồ chơi, trò chơi	3240
106.	Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng Chi tiết: - Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa; - Sản xuất dụng cụ chỉnh hình, phục hồi chức năng	3250
107.	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu	3290
108.	Cho thuê xe có động cơ Chi tiết: - Cho thuê ô tô; - Cho thuê xe có động cơ khác	7710
109.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển Chi tiết: - Cho thuê máy móc, thiết bị nông, lâm nghiệp không kèm người điều khiển; - Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng không kèm người điều khiển; - Cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng (kể cả máy vi tính) không kèm người điều khiển; - Cho thuê máy bay, phương tiện bay không kèm người điều khiển; - Cho thuê tàu, thuyền và kết cấu nổi không kèm người điều khiển; - Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác, không kèm người điều khiển chưa được phân vào đâu	7730
110.	Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò	0141
111.	Chăn nuôi ngựa, lừa, la và sản xuất giống ngựa, lừa	0142
112.	Chăn nuôi dê, cừu và sản xuất giống dê, cừu, hươu, nai	0144
113.	Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn	0145

6. Vốn điều lệ: 20.000.000.000 VNĐ

7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: _____ Giới tính: _____
Sinh ngày: _____ Dân tộc: _____ Quốc tịch: _____
Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: _____
Số giấy chứng thực cá nhân: _____
Ngày cấp: _____ Nơi cấp: _____
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: _____
Chỗ ở hiện tại: _____

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN ĐÌNH TUẤN Giới tính: *Nam*
Chức danh: *Giám đốc*
Sinh ngày: *24/11/1967* Dân tộc: *Kinh* Quốc tịch: *Việt Nam*
Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*
Số giấy chứng thực cá nhân: *001067015643*
Ngày cấp: *15/06/2020* Nơi cấp: *Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội*
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Lô D, đô thị mới Nghĩa Đô – Dịch Vọng, Phường Dịch Vọng, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*
Chỗ ở hiện tại: *Lô D, đô thị mới Nghĩa Đô – Dịch Vọng, Phường Dịch Vọng, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội